

Số: 04/2024/QĐST-LĐ
Ngày: 26-7-2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên họp: Bà Lưu Thị Mỹ Linh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huệ Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 28/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 7 năm 2024, về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số 02/2024/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: chị Trần Thị M, sinh năm: 1989; nơi cư trú: ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị Kiều Thị Bích T, sinh năm: 1994; nơi cư trú: ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Công ty TNHH B (viết tắt là công ty B); địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Trong quá trình giải quyết vụ việc người yêu cầu chị Trần Thị Mến trình bày:

Chị và chị Kiều Thị Bích T có mối quan hệ quen biết do là chòm xóm của nhau. Từ ngày 01/01/2010 chị M có ký hợp đồng và làm công nhân tại Công ty TNHH P (viết tắt Công ty P); có trụ sở tại D, Quốc lộ A, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh đến tháng 01/2023 thì nghỉ việc (theo hợp đồng lao động ngày 01/01/2010 và hợp đồng lao động 01/01/2012). Trong thời gian chị

M làm việc tại công ty P chỉ có tham gia đóng bảo hiểm xã hội đầy đủ từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/01/2023.

Trong quá trình chị M đi làm công nhân tại Công ty P thì vào tháng 25/4/2009 đến ngày 30/11/2012, chị M có cho Kiều Thị Bích T, sinh năm 1994, địa chỉ: ấp S, xã A, huyện C, tỉnh Tây Ninh mượn chứng minh nhân dân số 290946105 của chị M để ký hợp đồng lao động đề ngày 25/4/2009 và hợp đồng lao động đề ngày 25/4/2010 với Công ty B. Thực tế chị T có làm công nhân tại công ty B, địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh và được công ty Đ cho T từ tháng 05/2009 đến tháng 12/2012 thì chị T nghỉ việc, theo số bảo hiểm là: 7209013392. Lý do chị T cho mượn chứng minh nhân dân của chị M để ký hợp đồng lao động với công ty B là do lúc đó chị T chưa đủ tuổi lao động.

Khi chị M cho T mượn chứng minh nhân dân để đi làm công nhân ở công ty B thì chị M cũng đang đi làm công nhân ở Công ty P từ ngày 01/01/2010 và được công ty đóng bảo hiểm xã hội cho chị M đầy đủ theo số bảo hiểm là: 7910070901, nên hiện tại thông tin bảo hiểm xã hội của chị M đang trùng tên một người thụ hưởng tại thời điểm từ tháng 05/2009 đến tháng 12/2012 nên nay không thể giải quyết cho chị M được lãnh bảo hiểm xã hội một lần được.

Nay chị Mên yêu c Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động đề ngày 25/4/2009 và hợp đồng lao động đề ngày 25/4/2010, giữa công ty B và Trần Thị M (do Kiều Thị Bích T đã ký), để chị T đi làm việc trong khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012 là vô hiệu để chị M được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định. Chị M không yêu cầu Toà án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu. Ngoài ra, chị M không yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ việc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Kiều Thị Bích T trình bày:

Chị và chị Trần Thị M có mối quan hệ quen biết, do là chòm xóm của nhau. Vào năm 2009, do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị dự định làm công nhân tại Công ty TNHH B địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh để kiếm thêm nhu nhập, nhưng thời điểm đó theo quy định thì chị chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng lao động, nên chị có hỏi mượn thông tin chứng minh nhân thân của chị Trần Thị M, đồng thời mượn chứng minh nhân dân của chị M để ký hợp đồng lao động và làm việc tại công ty B trong thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012 và được Công ty B đóng bảo hiểm đầy đủ từ tháng 5/2009 đến tháng 12/2012. Nay chị xác nhận hợp đồng lao động dưới tên của chị Trần Thị M với Công ty B trong khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012 là do chị giao kết. Trong khoảng thời gian trên, chị M cũng đang làm công nhân ở Công ty P; có trụ sở tại D, Quốc lộ A, phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Hiện nay những bản chính của hợp đồng lao động với Công ty B chị không còn lưu giữ, chỉ lưu giữ được những bản photo của Hợp đồng lao động và chị đã nộp cho Tòa án. Chị cũng đã liên hệ với phía công Công ty B để xin lại nhưng hiện công ty cũng không còn lưu giữ. Nay với yêu cầu của chị Trần Thị

Mեն yêu c1 Toà án tuyên bố hợp đồng lao động đề ngày 25/4/2009 và hợp đồng lao động đề ngày 25/4/2010, giữa Công ty TNHH B và Trần Thị M (do chị Kiều Thị Bích T đã ký kết) vô hiệu, thì chị đồng ý. Chị không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Công ty TNHH B đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý việc dân sự và triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết yêu cầu:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý cho đến khi mở phiên họp: Thực hiện đúng và đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 117, 127 Bộ luật dân sự; Điều 30 Bộ luật lao động năm 1994; Điều 49 Bộ luật lao động năm 2019; Điều 149, 401, 402 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Đề nghị Toà án, chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị M về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị M (do chị Kiều Thị Bích T ký dưới tên của chị Trần Thị M) với công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ ngày 25/04/2009 đến ngày 30/11/2012 vô hiệu toàn bộ. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: chị Trần Thị M là người yêu cầu Tòa án giải quyết việc lao động nên phải chịu lệ phí giải quyết việc lao động theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị M (do chị Kiều Thị Bích T ký kết) và Công ty TNHH B được giao kết và thực hiện tại nơi công ty có trụ sở là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh. Nay chị Mến yêu c1 Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35 và điểm v khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ việc:

Xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của chị Trần Thị M thấy rằng: Chị M cho rằng trong khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012, chị có cho chị Kiều Thị Bích T mượn thông tin nhân thân và giấy chứng minh nhân dân để đi làm do chị T chưa đủ tuổi lao động. Do đó, bảo hiểm

xã hội (viết tắt BHXH) của chị M có trùng thời gian đóng BHXH từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012, nên nay không thể giải quyết cho chị M được lãnh bảo hiểm xã hội một lần được. Nay chị M yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị T ký dưới tên của Trần Thị M với công ty B trong khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012 là vô hiệu.

[3] Chị Kiều Thị Bích T thống nhất với ý kiến trình bày của chị M. Do chị T chưa đủ tuổi lao động nên có mượn thông tin nhân thân và giấy chứng minh nhân dân của chị M để ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty B khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012. Đồng thời, tại chứng cứ là Sổ bảo hiểm xã hội (BL 13 – 23), bản ghi quá trình đóng bảo hiểm xã hội bảo hiểm thất nghiệp của chị M (bút lục 10-12) và công văn số 1665/BHXH-TST ngày 06/7/2024 của BHXH tỉnh Tây Ninh về người lao động đề nghị xác nhận quá trình tham gia BHXH thể hiện BHXH của chị M có trùng thời gian đóng BHXH từ tháng 05/2009 đến tháng 11/2012 tại hai nơi làm việc là công ty TNHH B (mã số BHXH 7209013392) và công ty TNHH P1 (mã số BHXH số 7910070901). Trong khoảng thời gian trên thực tế chị M làm việc và tham gia đóng BHXH tại Công ty TNHH P1 từ tháng 01/2010 đến tháng 01/2023.

[4] Do đó, lời trình bày của chị M và chị T về việc chị T mượn thông tin của chị M để ký hợp đồng lao động tại công ty B trong khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012 là có cơ sở. Việc chị T mượn thông tin của chị M để giao kết hợp đồng lao động, chị M không trực tiếp giao kết hợp đồng lao động là vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Lao động năm 1994 nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019 thì đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ. Vì vậy, yêu cầu của chị Trần Thị M về việc tuyên bố hợp đồng lao động đề ngày 25/4/2009 và hợp đồng đề ngày 25/4/2010 giữa Kiều Thị Bích T (ký dưới tên của chị Trần Thị M) với công ty B, trong khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012 vô hiệu là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu: do quan hệ lao động giữa chị T (dưới tên của chị M) với công ty B đã chấm dứt từ năm 2012. Chị M không có yêu cầu gì khác. Chị M chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu là phù hợp quy định tại Điều 10, 11 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng lao động vô hiệu.

[6] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị M về việc tuyên bố hợp đồng lao động giữa chị Trần Thị M (do chị Kiều Thị Bích T ký dưới tên của chị Trần Thị M) với công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012 vô hiệu toàn bộ là phù hợp với nhận định nêu trên nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019; Điều 149, Điều 370, Điều 371, Điều 372, Điều 401 và Điều 402 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị M về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”.

Tuyên bố hợp đồng lao động đề ngày 25/4/2009 và hợp đồng lao động đề ngày 25/4/2010, giữa chị Trần Thị M (do chị Kiều Thị Bích T ký kết) với Công ty TNHH B trong khoảng thời gian từ tháng 04/2009 đến tháng 11/2012 vô hiệu toàn bộ.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền lệ phí nhưng được khấu trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu số 0009517 ngày 09 tháng 7 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự được quyền kháng cáo Quyết định trong hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra Quyết định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỢP**

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân